

Số:189/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố BT, ngày 01 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT**

Căn cứ các Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 80, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 282/2022/TLST-VDS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số S, ấp B, xã SĐ, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Lương Minh T**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số H, ấp B, xã SĐ, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lương Minh T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Lương Minh T có 02 con chung tên Lương Thành Đ, sinh ngày 04/5/2013 và Lương Thành Đ, sinh ngày 10/5/2015. Sau khi ly hôn, ông Lương Minh T trực tiếp nuôi con chung Lương Thành Đ, bà Trần Thị T trực tiếp nuôi con chung Lương Thành Đ. Bà Trần Thị T và ông Lương Minh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị T và ông Lương Minh T được quyền tới thăm chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị T và ông Lương Minh T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Lương Minh T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Trần Thị T và ông Lương Minh T phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số

0005587 ngày 29/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lương Minh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Lương Minh T có 02 con chung tên Lương Thành Đ, sinh ngày 04/5/2013 và Lương Thành Đ, sinh ngày 10/5/2015. Sau khi ly hôn, ông Lương Minh T trực tiếp nuôi con chung Lương Thành Đ, bà Trần Thị T trực tiếp nuôi con chung Lương Thành Đ. Bà Trần Thị T và ông Lương Minh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị T và ông Lương Minh T được quyền tới thăm chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị T và ông Lương Minh T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Lương Minh T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Trần Thị T và ông Lương Minh T phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0005587 ngày 29/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TPBT;
- Chi cục THADS TP BT;
- UBND xã SĐ, TPBT;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, văn phòng

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Đoan Trang**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:**

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].